

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 30/2024/DS-ST**

**Ngày 13- 8 -2024**

**V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Cẩm

Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2024/TLST – DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 ; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-DS ngày 22/7/2024 giữa các đương sự:

**1/ Nguyên đơn:**

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Phó giám đốc chi nhánh tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Ngọc P – Phó phòng giao dịch T.

Địa chỉ: Số D Q, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số 36/GUQ – 2024 ngày 16/7/2024).

**2/ Bị đơn:** Ông Đặng Văn H –sinh năm 1989 và bà Võ Thị Thanh K – sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

**3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Đặng L và và Nguyễn Thị L1.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1/Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn trình bày:** Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B- P1 cho Ông Đặng Văn H, bà Võ Thị Thanh K vay các khoản vay sau đây:

1. Khoản vay:

a. Khoản vay 01: Vay bổ sung vốn kinh doanh của ông Đặng Văn H và vợ là bà Võ Thị Thanh K.

Vay 450.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn), theo Hợp đồng tín dụng số 202327230184 ngày 08/02/2023 và Giấy nhận nợ số LD2325400153 ngày 11/09/2023.

Kể từ ngày 03/11/2023, vợ chồng ông H, bà K không trả nợ cho ngân hàng nên toàn bộ dư nợ vay 450.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn) đã bị nợ quá hạn.

(Đến ngày 9/8/2024, vợ chồng ông H, bà K còn nợ ngân hàng số tiền 496.602.237 đồng (bằng chữ: Bốn trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng).

b. Khoản vay 02: Thẻ tín dụng của ông Đặng Văn H

Thẻ tín dụng số 970403 - 4607, số tài khoản thẻ 3976157473, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi triệu đồng) theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 202126395830 ngày 06/10/2021. Phát hành thẻ theo chính sách khách hàng có quan hệ tín dụng với S1, mục đích tiêu dùng.

Đến ngày 09/8/2024, ông H còn nợ ngân hàng số tiền 35.971.620 đồng (bằng chữ: Ba mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm hai mươi đồng).

2. Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho 02 khoản vay trên, ông Đặng Văn H- bà Võ thị Thanh K đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất của toàn bộ diện tích khuôn viên lô đất và toàn bộ diện tích công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số 751, tờ bản đồ số 46, địa chỉ tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số phát hành CG900063, số vào sổ cấp GCN: C800859. Cơ quan cấp: Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q, ngày cấp 13/03/2017. Ngày 27/3/2018, được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q chi nhánh Đ xác nhận. Ngày 01/09/2020, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q chi

nhánh Đ xác nhận: Tiếp tục sử dụng đất đến 12/2019, chủ sở hữu tài sản trên là ông Đặng Văn H và bà Võ Thị Thanh K. Toàn bộ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên hiện do Ngân hàng nắm giữ.

Đề bảo vệ quyền lợi nên nguyên đơn yêu cầu:

Buộc vợ chồng ông Đặng Văn H và Võ Thị Thanh H1 trả cho ngân hàng đến ngày 09/8/2024 với số tiền 496.602.237 đồng và ông H, bà K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 202327230184 ngày 08/02/2023 và Giấy nhận nợ số LD2325400153 ngày 11/09/2023.

Buộc ông Đặng Văn H trả cho ngân hàng đến ngày 09/8/2024 với số tiền 35.971.620 đồng và ông Đặng Văn H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 202126395830 ngày 06/10/2021.

Trong trường hợp ông Đặng Văn H và bà Võ Thị Thanh K không trả nợ đầy đủ, yêu cầu Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để ngân hàng thu hồi nợ vay.

T1 nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho S1 thì S1 thông qua S1 Chi nhánh B- P1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đặng Văn H, bà Võ Thị Thanh K1 để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

**2/ Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Văn H trình bày:** Ông Đặng Văn H và bà Võ Thị Thanh K có lập 01 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S1 theo đó vay số tiền 450.000.000đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Tài sản thế chấp là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 751, tờ bản đồ 46 tại xã P.

Tính đến hết ngày 05/3/2024, ông H, bà K chưa trả được hết nợ cho ngân hàng số tiền 474.076.232đồng (bốn trăm bảy mươi bốn triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm ba mươi hai đồng), cụ thể:

Nợ gốc: 450.000.000đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Nợ lãi trong hạn: 23.667.534đ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng).

Nợ lãi chậm trả: 408.698đ (bốn trăm lẻ tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng).

Ngoài ra, ông Đặng Văn H có lập 01 Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân với Ngân hàng S1 theo đó hạn mức thẻ là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Tính đến ngày 05/3/2024, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền 31.031.114 đồng (ba mươi một triệu không trăm ba mươi một nghìn một trăm mười bốn đồng).

Nay ông Đặng Văn H đồng ý trả nợ. Trường hợp ông và bà K không trả được nợ thì đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất của toàn bộ diện tích khuôn viên lô đất và toàn bộ diện tích công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số 751, tờ bản đồ số 46, địa chỉ tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số phát hành CG900063, số vào sổ cấp GCN: C800859. Cơ quan cấp: Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q, ngày cấp 13/03/2017. Ngày 27/3/2018, được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q chi nhánh Đ xác nhận. Ngày 01/09/2020, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q chi nhánh Đ xác nhận: Tiếp tục sử dụng đất đến 12/2019, chủ sở hữu tài sản trên là ông Đặng Văn H và bà Võ Thị Thanh K. Toàn bộ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên hiện do Ngân hàng nắm giữ.

**3/ Bị đơn bà Võ Thị Thanh K trình bày:** Ông Đặng Văn H và bà Võ Thị Thanh K có lập 01 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S1 theo đó vay số tiền 450.000.000đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Tài sản thế chấp là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 751, tờ bản đồ 46 tại xã P.

Tính đến hết ngày 05/3/2024, ông H, bà K chưa trả được hết nợ cho ngân hàng số tiền 474.076.232đ (bốn trăm bảy mươi bốn triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm ba mươi hai đồng), cụ thể:

Nợ gốc: 450.000.000đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Nợ lãi trong hạn: 23.667.534đ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng).

Nợ lãi chậm trả: 408.698đ (bốn trăm lẻ tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng).

Đối với việc ông Đặng Văn H có lập 01 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân với Ngân hàng S1 theo đó hạn mức thẻ là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) thì bà K không biết nên không đồng ý trả nợ.

Nay bà Võ Thị Thanh K đồng ý trả nợ. Trường hợp bà và ông H không trả được nợ thì đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất của toàn bộ diện tích khuôn viên lô đất và toàn bộ diện tích công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số 751, tờ bản đồ số 46, địa chỉ tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số phát hành CG900063, số vào sổ cấp GCN: C800859. Cơ quan cấp: Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q, ngày cấp 13/03/2017. Ngày 27/3/2018, được Văn phòng Đăng ký

đất đai tỉnh Q chi nhánh Đ xác nhận. Ngày 01/09/2020, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q chi nhánh Đ xác nhận: Tiếp tục sử dụng đất đến 12/2019, chủ sở hữu tài sản trên là ông Đặng Văn H và bà Võ Thị Thanh K. Toàn bộ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên hiện do Ngân hàng nắm giữ.

**4/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng L2, bà Nguyễn Thị L1 trình bày:** Ông, bà là cha, mẹ của anh Đặng Văn H. Nguồn gốc đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 751, tờ bản đồ số 46, địa chỉ tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số phát hành CG900063, số vào sổ cấp GCN: C800859. Cơ quan cấp: Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q, ngày cấp 13/03/2017 là của ông bà. Nhưng để vợ chồng anh H, chị K có vốn làm ăn nên ông bà đã tặng toàn bộ đất và tài sản trên đất cho vợ chồng anh H, chị K. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 751, tờ bản đồ số 46, địa chỉ tại xã P nếu ông H, bà K không trả được nợ thì ông bà đồng ý.

**Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự.**

- **Về tố tụng:** Về việc tuân theo Pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về nội dung vụ án:** Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn khởi kiện ông Đặng Văn H, bà Võ Thị Thanh K ở thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi về việc yêu cầu trả nợ tiền vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung**

**[2.1]** Xét yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc yêu cầu ông Đặng Văn H và bà Võ Thị Thanh H1 trả cho ngân hàng tính đến ngày 09/8/2024 với số tiền 496.602.237 đồng và ông H, bà K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 202327230184 ngày 08/02/2023 và Giấy nhận nợ số LD2325400153 ngày 11/09/2023.

Xét các hợp đồng tín dụng ký kết giữa vợ chồng ông H, bà K và Ngân hàng S1 có chữ ký của các bên. Quá trình xác minh, đã làm việc được với bị đơn là ông H và bà K có thừa nhận việc vay nợ Ngân hàng S2 cũng như qua tài liệu Ngân hàng cung cấp có đủ căn cứ xác định có việc lập hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng và vợ chồng ông H. Như vậy, giữa Ngân hàng và vợ chồng ông H có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi, khi giao kết hợp đồng các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, nên đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng.

- Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông H không thực hiện việc đúng trả nợ là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 466 BLDS. Việc Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông H trả gốc và lãi còn lại của số tiền vay là có căn cứ.

**[2.2]** Xét yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng S1 về việc yêu cầu buộc ông Đặng Văn H trả cho ngân hàng tính đến ngày 09/8/2024 với số tiền 35.971.620 đồng và ông Đặng Văn H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 202126395830 ngày 06/10/2021.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng dưới dạng thẻ tín dụng cá nhân có chữ ký của ông H và đại diện Ngân hàng S1. Quá trình xác minh, đã làm việc được với bị đơn là ông H, bà K, theo đó ông H thừa nhận khoản nợ trên, bà K cho rằng không biết gì đối với việc ông H lập hợp đồng tín dụng. Xét thấy hợp đồng tín dụng chỉ có chữ ký của ông H. Do đó có căn cứ để xác định đây là khoản vay riêng của ông H. Như vậy, giữa Ngân hàng và ông H có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi, khi giao kết hợp đồng các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, nên đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H không thực hiện đúng việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 466 BLDS. Tuy nhiên, qua làm việc không có căn cứ cho rằng bà K có biết hay liên quan gì đến khoản vay này của ông H. Do

đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông H trả gốc và lãi còn lại của số tiền vay là có căn cứ chấp nhận.

**[2.3]** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa 751, tờ bản đồ 46 tại xã P:

Quá trình vay tài sản, vợ chồng ông H có lập hợp đồng thế chấp bất động sản là thửa đất ở trên (thửa đất đứng tên ông H, bà K). Hợp đồng thế chấp có chữ ký của ông H và bà K. Qua làm việc ông Hòa đồng Ý xử lý tài sản thế chấp, bà K thừa nhận việc có thế chấp tài sản như trên. Do đó có căn cứ xác định đây là tài sản bảo đảm để thực hiện hợp đồng theo quy định tại các Điều 317 đến 324 BLDS.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng L2 và bà Nguyễn Thị L1 có mặt tại phiên tòa. Qua làm việc, hai vợ chồng bà thừa nhận đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Đặng Văn H; việc ông H dùng thửa đất đó vào việc gì thì ông bà không rõ. Trường hợp phải xử lý thửa đất để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông H thì vợ chồng bà đồng ý xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình làm việc, bà K cho biết không liên quan gì đến khoản vay của ông H. Tại Hợp đồng thế chấp QSDĐ và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp cũng thể hiện nội dung “đảm bảo nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng số 202327230184 ngày 08/9/2023”. Xét thấy dù hợp đồng có điều khoản (khoản 2) có nội dung về nghĩa vụ bảo đảm là “các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai, phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký hợp đồng này”.

Tuy nhiên, xét thấy tài sản thế chấp đứng tên cả hai vợ chồng ông H, việc sử dụng tài sản thế chấp ở đây cần phải dùng để đảm bảo nghĩa vụ vay mượn của cả hai vợ chồng khi cùng đứng tên ra để vay mượn. Ngoài ra, việc lập hợp đồng thế chấp trước đó (04/9/2020) chỉ được đảm cho khoản vay trước đó của vợ chồng ông H (đã trả xong), tại Văn bản thỏa thuận ngày 08/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp chỉ thay đổi về phần đảm bảo nghĩa vụ từ hợp đồng cũ sang hợp đồng mới (khoản vay 450.000.000đồng). Do đó việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho cả khoản vay thế tín dụng của ông Đặng Văn H là không chính xác, không có cơ sở.

**[3]** Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc 7.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông Đặng Văn H, bà Võ Thị Thanh K phải trả lại cho ngân hàng 7.000.000 đồng (mỗi người phải trả 3.500.000đồng).

**[4]** Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc ông Đặng Văn H, bà Võ Thị Thanh K

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm:  $((20.000.000 \text{ đồng} + (96.602.237 \times 4\%)) = 23.864.089 \text{ đồng}$  (Mỗi người chịu 11.932.044 đồng). Ông Đặng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm:  $35.971.620 \text{ đồng} \times 5\% = 1.798.581 \text{ đồng}$ . Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 12.102.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0001796 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 325, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xú: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Võ Thị Thanh K có nghĩa vụ trả số tiền gốc đã vay, số tiền lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 09/8/2024 là 496.602.237 đồng và ông H, bà K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/8/2024 cho đến khi trả dứt diễm nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 202327230184 ngày 08/02/2023.

Buộc ông Đặng Văn H trả cho ngân hàng tính đến ngày 09/8/2024 với số tiền 35.971.620 đồng và ông Đặng Văn H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 202126395830 ngày 06/10/2021.

Trường hợp ông Đặng Văn H, bà Võ Thị Thanh K không trả số tiền nêu trên thì ngân hàng S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 751, tờ bản đồ số 46, địa chỉ tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202025613248/HĐTC ngày 04/09/2020; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 08/09/2023 và Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 04/09/2020.



Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông H, bà K có trách nhiệm tiếp tục thực hiện trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc 7.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông Đặng Văn H, bà Võ Thị Thanh K phải trả lại cho ngân hàng 7.000.000 đồng (mỗi người phải trả 3.500.000 đồng).

Về án phí: Buộc ông Đặng Văn H, bà Võ Thị Thanh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm:  $((20.000.000 \text{ đồng} + (96.602.237 \times 4\%)) = 23.864.089 \text{ đồng}$  (Mỗi người chịu 11.932.044 đồng). Anh Đặng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm:  $35.971.620 \text{ đồng} \times 5\% = 1.798.581 \text{ đồng}$ . Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 12.102.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0001796 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Nguyễn Minh Kha**